



### Tờ thông tin kỹ thuật sản phẩm

- Bảo vệ chịu tải nặng
- Calcium Sulfonate Complex

# Shell Gadus S3 U460A 1.5

Mỡ bôi trơn đa dụng gốc Calcium Sulfonate phức hợp dành cho ngành thép và các ứng dụng công nghiệp chịu tải nặng

Shell Gadus S3 U460A 1.5 là một phần trong dải sản phẩm mỡ bôi trơn đa dụng toàn diện của Shell dành cho các ổ đỡ công nghiệp và ngành thép. Sản phẩm mang đến tính năng tuyệt vời trong các ứng dụng tốc độ vừa đến chậm và phải chịu tải nặng liên tục.

## DESIGNED TO MEET CHALLENGES

### Các tính năng & lợi ích

- **Nâng cao khả năng chịu tải và bảo vệ chống mài mòn**  
Sản phẩm mang đến tính năng chịu cực áp và bảo vệ chống mài mòn tuyệt hảo cho các ổ đỡ chịu tải nặng có tốc độ vừa và chậm.
- **Độ bền cơ học tuyệt vời ngay cả trong các điều kiện khắc nghiệt**  
Độ quán tính của mỡ luôn được duy trì trong suốt chu kỳ hoạt động kéo dài, thậm chí trong các môi trường chịu lực cắt cơ học và rung động lớn.
- **Bôi trơn hiệu quả trong điều kiện ẩm ướt**  
Đảm bảo chất lượng dài lâu ngay cả trong môi trường nhiễm nhiều nước và cung cấp khả năng chống ăn mòn vượt trội.
- **Phù hợp sử dụng được cho nhiều mùa hoặc dễ dàng chuyển đổi linh hoạt theo mùa**  
Thích hợp sử dụng trong thời tiết ẩm (mọi nhiệt độ môi trường xuống đến 0°C / 32°F). Dải nhiệt độ hoạt động của mỡ này có độ bao phủ rộng với nhiều loại mỡ bổ trợ khác trong họ sản phẩm Gadus, điều này cho phép dễ dàng chuyển đổi linh hoạt theo mùa khi cần thiết.

### Các ứng dụng chính



Mỡ Shell Gadus S3 U460A 1.5 chủ yếu được sử dụng để bôi trơn các ổ đỡ chịu tải nặng, tốc độ chậm ngành thép và các ứng dụng ổ đỡ công nghiệp nặng như:

- Ngành thép (Đúc liên tục, Cán nóng HSM và HRM)
- Máy ép viên (Ổ đỡ làm việc)
- Ngành bột giấy và giấy (khu vực ướt, nghiền và máy đánh toì, khu vực ép, v.v.)
- Ngành khai khoáng và xi măng (máy đập, máy nghiền, con lăn máy ép, băng tải, ổ đỡ máy nghiền)

### Các tiêu chuẩn kỹ thuật, chấp thuận & khuyến nghị

Để có danh mục đầy đủ các khuyến cáo và chấp thuận, vui lòng tham khảo Bộ phận kỹ thuật Shell.

### Các tính chất vật lý điển hình

Tính chất	Phương pháp	Shell Gadus S3 U460A 1.5
NLGI		1.5
Màu sắc		Nâu
Loại chất làm đặc		CaS Complex
Dầu gốc		Khoáng
Độ nhớt động học @40°C	cSt	IP 71 / ASTM D445 460
Độ nhớt động học @100°C	cSt	IP 71 / ASTM D445 40
Độ xuyên kim sau khi làm việc @25°C	0.1 mm	IP 50 / ASTM D217 290 - 320
Thử nghiệm chịu tải 4 bi EP	kg	IP 239 500

Tính chất		Phương pháp	Shell Gadus S3 U460A 1.5
Điểm nhỏ giọt	°C tối thiểu	ASTM D2265	260
Nước rửa trôi	@79°C % tối đa	ASTM D1264	5
Vết mài mòn 4 bi	mm tối đa	ASTM D2266	0.6

Các tính chất này đặc trưng cho sản phẩm hiện hành. Những sản phẩm trong tương lai có thể thay đổi chút ít cho phù hợp với quy cách mới của Shell.

### Sức khỏe, An toàn & Môi trường

- Sức khỏe và An toàn**

Shell Gadus S3 U460A 1.5 không gây bất cứ nguy hại nào đáng kể cho sức khỏe và an toàn khi sử dụng đúng theo ứng dụng khuyến cáo, tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh cá nhân.

Tránh tiếp xúc với da. Dùng găng tay không thấm đối với dầu đã qua sử dụng. Nếu tiếp xúc với da, rửa ngay lập tức bằng xà phòng và nước.

Để có thêm hướng dẫn về sức khỏe và an toàn, tham khảo thêm Bản dữ liệu an toàn sản phẩm Shell tương ứng từ <https://www.epc.shell.com/>

- Bảo vệ môi trường**

Tập trung dầu mỡ đã qua sử dụng đến điểm thu gom quy định. Không thải ra cống rãnh, mặt đất hay nguồn nước.

### Thông tin bổ sung

Phạm vi nhiệt độ hoạt động khuyến nghị từ -5°C đến 150°C

- Tư vấn**

Tham khảo Đại diện Shell về các ứng dụng không được đề cập tại đây.